

**CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU SƠN NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU SƠN NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SON NAM IMPORT EXPORT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: SON NAM IMPORT EXPORT CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108896896

**3. Ngày thành lập:** 11/09/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 54, Ngõ 165 Dương Quảng Hàm, Phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0979523904

Fax:

Email: vandung20071987@gmail.com Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                            | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt                                                                      | 1010     |
| 2.  | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản                                                              | 1020     |
| 3.  | Chế biến và bảo quản rau quả                                                                                         | 1030     |
| 4.  | Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật                                                                                      | 1040     |
| 5.  | Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa                                                                                  | 1050     |
| 6.  | Xay xát và sản xuất bột thô                                                                                          | 1061     |
| 7.  | Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột                                                                        | 1062     |
| 8.  | Sản xuất các loại bánh từ bột                                                                                        | 1071     |
| 9.  | Sản xuất đường                                                                                                       | 1072     |
| 10. | Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo                                                                                  | 1073     |
| 11. | Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự                                                                         | 1074     |
| 12. | Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn                                                                                | 1075     |
| 13. | Sản xuất chè                                                                                                         | 1076     |
| 14. | Sản xuất cà phê                                                                                                      | 1077     |
| 15. | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu                                                                       | 1079     |
| 16. | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản                                                                        | 1080     |
| 17. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                 | 4641     |
| 18. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                   | 4649     |
| 19. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                      | 4659     |
| 20. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                    | 4669     |
| 21. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp | 4711     |

|     |                                                                                                                                     |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 22. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (Trừ hoạt động đầu giá)                                                          | 4719        |
| 23. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                   | 4721        |
| 24. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                    | 4722        |
| 25. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                      | 4723        |
| 26. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                         | 4753        |
| 27. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                    | 4771        |
| 28. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ súng, đạn, tem, vàng và tiền kim khí)                                 | 4773        |
| 29. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đầu (Trừ hoạt động đầu giá)                                                                | 4799        |
| 30. | Vận tải hàng hóa đường sắt                                                                                                          | 4912        |
| 31. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                 | 4931        |
| 32. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                    | 4932        |
| 33. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                      | 4933        |
| 34. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                    | 5224        |
| 35. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                             | 5225        |
| 36. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Trừ vận tải hàng không)                                                        | 5229        |
| 37. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh | 8299(Chính) |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

### 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: NGUYỄN VĂN DŨNG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 20/07/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 145370883

Ngày cấp: 15/05/2006

Nơi cấp: Công an tỉnh Hưng Yên

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đan Nhiễm, Thị Trấn Văn Giang, Huyện Văn Giang, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 89, Ngõ 165 Dương Quảng Hàm, Phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN VĂN DŨNG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *20/07/1988*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *145370883*

Ngày cấp: *15/05/2006*

Nơi cấp: *Công an tỉnh Hưng Yên*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Đan Nhiễm, Thị trấn Văn Giang, Huyện Văn Giang, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 89, Ngõ 165 Dương Quảng Hàm, Phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*